

Bản án số: 17/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 27-4-2018

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T - sinh năm 1971 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T1 – sinh năm 1971 (có mặt)

Đều có nơi ĐKKHKT: Thôn K1, xã K, huyện U, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị Hoàng Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh T1 qua một thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K ngày 16/9/1989. Xong khi đăng ký kết hôn, anh T1 thiếu tuổi nên đã khai tăng tuổi là sinh năm 1970. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc. Xong mấy năm gần đây thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên đánh, chửi nhau. Đặc biệt một năm gần đây thì mâu thuẫn càng trầm trọng. Hai vợ chồng nhiều lần cố gắng hàn gắn; đồng thời hai bên gia đình, bạn bè cũng khuyên bảo nhiều nhưng không thể tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin ly hôn. Về con chung, chị và anh T1 có 02 con chung là Phạm Văn T2 – sinh ngày 12/5/1990 và Phạm Thị Vân A – sinh ngày 21/10/2002. Cháu T2 đã trưởng

thành còn cháu Vân A đang đi học. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nhận nuôi cháu Vân A và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản và công nợ chung, chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải của anh Phạm Văn T1 là bị đơn trình bày: Anh và chị T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K năm 1989. Khi đăng ký kết hôn do anh chưa đủ tuổi nên đã khai tăng thêm một tuổi là sinh năm 1970. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc không xảy ra vấn đề gì. Xong mấy năm gần đây do anh làm ăn thua lỗ nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn như chị T đã trình bày. Vợ chồng cũng đã nhiều lần cố gắng vun vén, hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt nên chị T xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung, anh và chị T có 02 con chung là Phạm Văn T3 – sinh ngày 12/5/1990 và Phạm Thị Vân A – sinh ngày 21/10/2002. Cháu T3 đã trưởng thành còn cháu Vân A đang đi học. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cháu Vân A và cháu Vân A cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên anh đồng ý. Về tài sản và công nợ chung, anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T và anh T1 đều có mặt và giữ nguyên ý kiến; đồng thời đều thừa nhận khi kết hôn anh T1 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị T và anh T1 đều không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn T1; giao chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phạm Thị Vân A – sinh ngày 21/10/2002; chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K ngày 16/9/1989 tuy nhiên khi kết hôn anh T1 - sinh ngày 14/9/1971 không đủ tuổi và đã khai tăng là sinh năm 1970 để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến nay, vì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuần, mục đích hôn nhân không đạt nên chị T đề nghị ly hôn với anh T1; anh T1 thì có ý kiến do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt nên anh đồng ý ly hôn. Sau khi xác minh tại UBND xã K tại sổ lưu đăng ký kết hôn thì thể hiện chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã ngày 16/9/1989 và anh T1 sinh tháng 5/1970 xong sổ đăng ký thường trú và các giấy tờ tùy thân của anh T1 như sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân đều thể hiện anh T1 sinh ngày 14/9/1971 và anh T1 sinh năm 1971 là đúng. Sau khi xem xét thì thấy việc kết hôn của chị T và anh T1 ngày 16/9/1989 đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Đến nay, chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn T1.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn T1 đều xác nhận có 02 con chung là Phạm Văn T – sinh ngày 12/5/1990 và Phạm Thị Vân Anh - sinh ngày 21/10/2002. Cháu T 3 khỏe mạnh và đã trưởng thành. Đối với cháu Vân A thì chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Vân A và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con; anh T1 đồng ý.

Xét thấy, việc thỏa thuận về con chung giữa chị T và anh T1 không trái đạo đức, không trái pháp luật và cháu Vân A có đơn đề nghị xin được ở với mẹ (chị T). Vì vậy, giao chị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Vân A là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu, đề nghị anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T1 cho đến khi có thay đổi khác; Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn T1 đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình 1986; Điều 11; Điều 12; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn T1.

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phạm Thị Vân A – sinh ngày 21/10/2002; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn T1 cho đến khi có thay đổi khác. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008569 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh